

C.TY CP SADICO CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :...36... / SADICO.2019  
V/v công bố BCTC hợp nhất  
bán niên năm 2019 đã soát xét

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà nội

1. Tên Công ty : **Công Ty Cổ Phần SADICO Cần Thơ**
2. Mã chứng khoán : **SDG**.
3. Địa chỉ trụ sở chính : 366E Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành Phố Cần Thơ.
4. Điện thoại : 0292 3884354 Fax : 0292 3821141
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ông Mai Công Toàn
6. Nội dung của thông tin công bố :
  - 6.1. Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2019.
  - 6.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính hợp nhất :
    - \* BCTC bán niên soát xét năm 2019 thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC bán niên soát xét năm 2018 :
      - Các số liệu tương ứng của kỳ trước không so sánh được với số liệu của kỳ này, do số liệu kỳ trước không được hợp nhất, vì công ty chỉ lập Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua thêm khoản đầu tư và nắm quyền kiểm soát hoạt động ở công ty con - Công ty Cổ Phần Xi Măng Tây Đô từ ngày 01/06/2018.
    - \* Lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong BCTC quý 2/2019 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét năm 2019 có sự chênh lệch từ 5% trở lên là do :
      - Doanh thu hoạt động tài chính giảm 3.609.000.000 đồng do loại trừ cổ tức nhận được từ các công ty liên kết của công ty con.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố [www.sadico.com.vn](http://www.sadico.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:  
- Như trên  
- Đăng website  
- Lưu: PTC, PKT

CHỦ TỊCH HĐQT  


*Mai Công Toàn*



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SADICO CẦN THƠ**

## MỤC LỤC

|  | Trang   |
|--|---------|
| 1. Mục lục   | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc   | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ   | 4 - 5   |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019   | 6 - 9   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 10      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019           | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019    | 13 - 42 |
| 8. Phụ lục   | 43 - 46 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155452 (số cũ là 5703000320) đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 05 tháng 3 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : 0292 3815108
- Fax : 0292 3821141

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Ủy thác xuất nhập khẩu; Đầu tư kinh doanh bất động sản; In ấn; Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành in, sau in và máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì, nhựa, giấy, phụ gia và hóa chất ngành nhựa các loại.

**Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên           | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm                                     |
|---------------------|--------------|---|
| Ông Mai Công Toàn   | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019  |
| Ông Nguyễn Phú Thọ  | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016<br>Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Phú Thọ  | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019  |
| Ông Lê Hoàng Tuấn   | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019                                    |
| Ông Lê Ngọc Anh     | Thành viên   | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019                                    |
| Ông Đỗ Hữu Hương    | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019  |
| Ông Lưu Hoàng Thanh | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016<br>Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm  |
|------------------------|------------|---|
| Ông Đoàn Văn Cường     | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019  |
| Ông Trần Hữu Định      | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016<br>Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Trần Hữu Định      | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019  |
| Ông Nguyễn Như Tiến    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019  |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thúy | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016<br>Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 |

**Ban Tổng Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ           | Ngày tái bổ nhiệm                      |
|----------------------|-------------------|--|
| Ông Nguyễn Phú Thọ   | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Văn Cường | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019  |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Phú Thọ - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

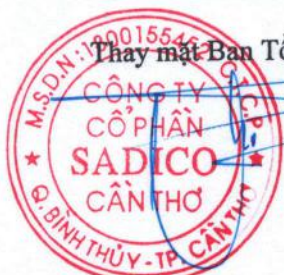
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Nguyễn Phú Thọ**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Số: 4.0204/19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 01 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Cần Thơ**



---

**Nguyễn Hữu Danh**

**Giám đốc**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1*

TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 8 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
(Dạng đầy đủ)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>239.379.207.963</b> | <b>274.221.365.415</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>11.356.415.843</b>  | <b>9.111.756.130</b>   |
| 1. Tiền   | 111        |             | 11.356.415.843         | 9.111.756.130          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>61.500.000.000</b>  | <b>59.500.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | 61.500.000.000         | 59.500.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>67.637.448.840</b>  | <b>82.095.425.347</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 52.399.607.219         | 60.212.480.835         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 19.953.587.801         | 26.358.215.528         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 2.525.319.545          | 2.657.855.549          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (7.241.065.725)        | (7.133.126.565)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>97.464.709.621</b>  | <b>122.722.582.116</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 97.464.709.621         | 122.722.582.116        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>1.420.633.659</b>   | <b>791.601.822</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 1.420.633.659          | 418.820.909            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.17        | -                      | 372.780.913            |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>381.876.951.626</b> | <b>392.558.109.616</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>217.800.000</b>     | <b>217.800.000</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 217.800.000            | 217.800.000            |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>323.540.265.535</b> | <b>338.157.221.757</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 323.540.265.535        | 338.157.221.757        |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 597.615.100.377        | 601.608.912.156        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (274.074.834.842)      | (263.451.690.399)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.10        | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 244.856.000            | 244.856.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (244.856.000)          | (244.856.000)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>1.657.033.332</b>   | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.11        | 1.657.033.332          | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>50.473.492.807</b>  | <b>49.612.154.280</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 31.945.064.649         | 31.083.726.122         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2c        | 17.528.428.158         | 17.528.428.158         |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        | V.2a        | 1.000.000.000          | 1.000.000.000          |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>5.988.359.952</b>   | <b>4.570.933.579</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8a        | 1.898.085.532          | 295.594.446            |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.12        | 66.071.616             | 41.425.963             |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        | V.13        | 620.509.011            | 639.358.043            |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        | V.14        | 3.403.693.793          | 3.594.555.127          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>621.256.159.589</b> | <b>666.779.475.031</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>276.991.737.021</b> | <b>326.488.489.002</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>256.470.188.071</b> | <b>311.928.108.913</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.15        | 8.377.668.729          | 25.993.112.343         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.16        | 53.412.043.558         | 53.544.378.403         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.17        | 7.312.156.466          | 2.455.787.396          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        | V.18        | 7.095.865.755          | 23.014.197.278         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.19        | 251.162.627            | 437.499.951            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.20        | 15.000.000             | 45.000.000             |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.21        | 163.171.286            | 170.147.816            |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.22a       | 169.851.367.533        | 203.638.504.328        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        | V.23        | 8.000.000.000          | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.24        | 1.991.752.117          | 2.629.481.398          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>20.521.548.950</b>  | <b>14.560.380.089</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                      | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                      | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.22b       | 20.521.548.950         | 14.560.380.089         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

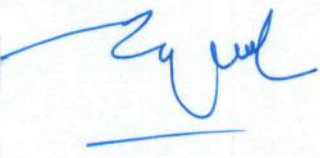
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

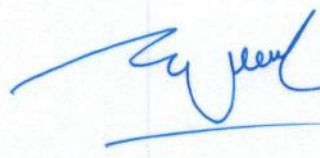
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**


| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|  |            |             |                        |                        |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>344.264.422.568</b> | <b>340.290.986.029</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>344.264.422.568</b> | <b>340.290.986.029</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.25        | 67.999.970.000         | 67.999.970.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 67.999.970.000         | 67.999.970.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        | V.25        | (50.000.000)           | (50.000.000)           |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.25        | 25.835.920.722         | 25.835.920.722         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.25        | 113.155.990.386        | 109.954.444.964        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 97.343.694.960         | 109.954.444.964        |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 15.812.295.426         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                          | 429        | V.25        | 137.322.541.460        | 136.550.650.343        |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>621.256.159.589</b> | <b>666.779.475.031</b> |

TP. Cần Thơ, ngày 01 tháng 8 năm 2019



  
 Dương Thị Quỳnh Giao  
 Người lập

  
 Dương Thị Quỳnh Giao  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Phú Thọ  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Dạng đầy đủ)**

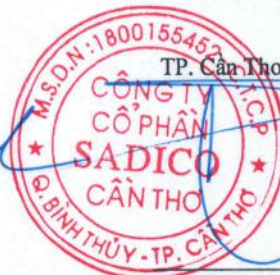
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
|  |       |             | Năm nay                           | Năm trước             |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 642.523.660.056                   | 227.056.908.029       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | -                                 | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 642.523.660.056                   | 227.056.908.029       |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 584.722.910.217                   | 201.957.317.183       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 57.800.749.839                    | 25.099.590.846        |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 3.795.893.632                     | 10.311.393.443        |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 12.281.682.436                    | 5.875.680.633         |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 8.295.200.669                     | 3.935.767.409         |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | 3.972.974.119                     | 11.237.966.809        |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 10.441.238.680                    | 3.782.658.184         |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 13.321.156.618                    | 7.482.446.526         |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 29.525.539.856                    | 29.508.165.755        |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.7        | 2.450.549.906                     | 1.003.510.693         |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.8        | -                                 | 954.294               |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 2.450.549.906                     | 1.002.556.399         |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 31.976.089.762                    | 30.510.722.154        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    |             | 5.355.369.284                     | 2.153.469.781         |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    | VI.9        | (24.645.653)                      | (55.156.789)          |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | <u>26.645.366.131</u>             | <u>28.412.409.162</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | <u>15.812.295.426</u>             | <u>27.421.119.832</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | <u>10.833.070.705</u>             | <u>991.289.330</u>    |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.10       | <u>2.325</u>                      | <u>4.033</u>          |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.10       | <u>2.325</u>                      | <u>4.033</u>          |

T.N.H.H

TP. Cần Thơ, ngày 01 tháng 8 năm 2019



*[Handwritten signature]*

Dương Thị Quỳnh Giao  
Người lập

*[Handwritten signature]*

Dương Thị Quỳnh Giao  
Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------|
|   |           |             | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                                   |                        |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 714.574.370.431                   | 243.528.096.844        |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (580.314.810.303)                 | (198.789.090.534)      |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |             | (41.728.140.408)                  | (23.105.246.192)       |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |             | (8.395.628.902)                   | (3.956.543.267)        |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        | V.17        | (1.395.410.712)                   | (1.000.000.000)        |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |             | 1.712.339.489                     | 8.093.608.924          |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (38.515.670.018)                  | (27.003.815.110)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>45.937.049.577</b>             | <b>(2.232.989.335)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                                   |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.9         | (1.657.033.332)                   | (967.209.091)          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        | VI.7        | 900.000.000                       | 1.790.000.000          |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | (61.500.000.000)                  | (48.000.000.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | 59.500.000.000                    | 38.000.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                      | 25        |             | (130.000.000)                     | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                  | 26        |             | -                                 | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        | VI.3        | 8.083.997.946                     | 9.271.500.000          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>5.196.964.614</b>              | <b>94.290.909</b>      |

# CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

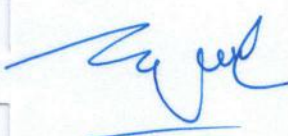
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

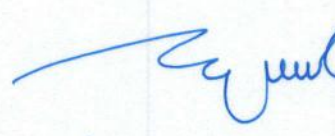
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

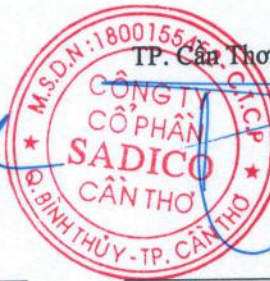
| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
|  |           |             | Năm nay                           | Năm trước            |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                                   |                      |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                                 | -                    |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                                 | -                    |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.22a,b     | 600.730.088.384                   | 234.373.810.316      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.22a,b     | (628.556.056.318)                 | (213.564.903.413)    |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                                 | -                    |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        | V.21,V.25a  | (21.063.604.000)                  | (12.989.984.000)     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |             | <b>(48.889.571.934)</b>           | <b>7.818.922.903</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  | <b>50</b> |             | <b>2.244.442.257</b>              | <b>5.680.224.477</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | V.1         | <b>9.111.756.130</b>              | <b>1.006.013.113</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        | VI.3        | 217.456                           | 327.778              |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | <b>70</b> | V.1         | <b>11.356.415.843</b>             | <b>6.686.565.368</b> |

TP. Cần Thơ, ngày 01 tháng 8 năm 2019

  
Dương Thị Quỳnh Giao  
Người lập

  
Dương Thị Quỳnh Giao  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Phú Thọ  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất bao bì, vải dệt từ Plastic; Sản xuất bao bì từ giấy; Kinh doanh vật liệu xây dựng; In ấn; Kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì, nhựa, giấy, phụ gia và hóa chất ngành nhựa các loại.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### **5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn**

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

#### **5b. Công ty con được hợp nhất**

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô có trụ sở chính tại Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất kinh doanh xi măng và các vật liệu kết dính khác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 51,06% (số đầu năm là 51,06%).

#### **5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

| Tên công ty                    | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính   | Tỷ lệ phân sở hữu |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--------------------------------|---|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
|                                |   |  | Số cuối kỳ        | Số đầu năm | Số cuối kỳ             | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô | Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn các phụ gia dùng trong xây dựng. | 42,86%            | 42,86%     | 42,86%                 | 42,86%     |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

| Tên công ty                            | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính   | Tỷ lệ phần sở hữu |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|---|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
|  |   |  | Số cuối kỳ        | Số đầu năm | Số cuối kỳ             | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô | Km 14, Quốc lộ 91, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ | Cung ứng dịch vụ hỗ trợ tổng hợp; vệ sinh chung nhà cửa; bốc xếp hàng hóa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan | 29,68%            | 29,16%     | 29,68%                 | 29,16%     |

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 383 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 376 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Đối với các khoản mục tiền-tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

###### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. -
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí phần mềm kế toán, tiền thuê đất trả trước và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### ***Chi phí phần mềm kế toán***

Chi phí phần mềm kế toán phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

##### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 12 tháng.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **9. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **10. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 06 - 30       |
| Máy móc và thiết bị             | 05 - 15       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 07 - 08       |

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ gồm:

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **15. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chi gồm:

#### ***Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ***

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian 12 tháng. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

#### **16. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **17. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                    | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>           |
|--------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt           | 20.922.780                   | 139.214.047                 |
| Tiền gửi ngân hàng | 11.335.493.063               | 8.972.542.083               |
| <b>Cộng</b>        | <b><u>11.356.415.843</u></b> | <b><u>9.111.756.130</u></b> |

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            |                              | <u>Số đầu năm</u>            |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|   | <u>Giá gốc</u>               | <u>Giá trị ghi sổ</u>        | <u>Giá gốc</u>               | <u>Giá trị ghi sổ</u>        |
| <b>Ngắn hạn</b>                                 | <b>61.500.000.000</b>        | <b>61.500.000.000</b>        | <b>59.500.000.000</b>        | <b>59.500.000.000</b>        |
| Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng <sup>(i)</sup> | 61.500.000.000               | 61.500.000.000               | 59.500.000.000               | 59.500.000.000               |
| <b>Dài hạn</b>                                  | <b>1.000.000.000</b>         | <b>1.000.000.000</b>         | <b>1.000.000.000</b>         | <b>1.000.000.000</b>         |
| Trái phiếu                                      | 1.000.000.000                | 1.000.000.000                | 1.000.000.000                | 1.000.000.000                |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>62.500.000.000</u></b> | <b><u>62.500.000.000</u></b> | <b><u>60.500.000.000</u></b> | <b><u>60.500.000.000</u></b> |

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với số tiền 1.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Cần Thơ và khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với số tiền 16.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

|  | Giá gốc               | Số cuối kỳ                          |                       | Giá gốc               | Số đầu năm                          |                       |
|--|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|
|  |                       | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng                  |                       | Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng                  |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô <sup>(i)</sup>          | 12.171.960.000        | 10.948.969.320                      | 23.120.929.320        | 12.171.960.000        | 10.867.939.272                      | 23.039.899.272        |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô <sup>(ii)</sup> | 7.420.000.000         | 1.404.135.329                       | 8.824.135.329         | 7.290.000.000         | 753.826.850                         | 8.043.826.850         |
| <b>Cộng</b>  | <b>19.591.960.000</b> | <b>12.353.104.649</b>               | <b>31.945.064.649</b> | <b>19.461.960.000</b> | <b>11.621.766.122</b>               | <b>31.083.726.122</b> |

(i) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô 12.171.960.000 VND, tương đương 40,45% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 12.171.960.000 VND, tương đương 40,45% vốn điều lệ.

(ii) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô 7.420.000.000 VND, tương đương 24,73% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 7.420.000.000 VND, tương đương 24,73% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

|  | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Góp vốn trong kỳ   | Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ | Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ | Các khoản khác     | Giá trị phần sở hữu cuối kỳ |
|--|-----------------------------|--------------------|---------------------------|--------------------------------------|--------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô         | 23.039.899.272              | -                  | 3.452.665.640             | (2.880.000.000)                      | (491.635.592)      | 23.120.929.320              |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô | 8.043.826.850               | 130.000.000        | 520.308.479               | (729.000.000)                        | 859.000.000        | 8.824.135.329               |
| <b>Cộng</b>                            | <b>31.083.726.122</b>       | <b>130.000.000</b> | <b>3.972.974.119</b>      | <b>(3.609.000.000)</b>               | <b>367.364.408</b> | <b>31.945.064.649</b>       |

### Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|---|-----------------------------------|---------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước     |
| <b>Công ty Cổ phần Bê Tông Tây Đô</b>         |                                   |               |
| Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ  | 27.477.598.560                    | 3.827.258.400 |
| Chi phí vận chuyển thạch cao, đá vôi, xi      | 368.858.000                       | 18.515.000    |
| Mua cọc và dịch vụ ép cọc                     | 127.489.092                       | -             |
| Lợi nhuận được chia                           | 2.880.000.000                     | -             |
| <b>Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô</b> |                                   |               |
| Doanh thu bán thành phẩm                      | 61.558.026.530                    | 6.708.356.490 |
| Lợi nhuận được chia                           | 729.000.000                       | -             |
| Mua tro bay                                   | 6.269.075.090                     | -             |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|   | Số cuối kỳ            |          | Số đầu năm            |          |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| <b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>                       |                       |          |                       |          |
| Công ty Cổ phần Kho vận Xi măng Tây Đô <sup>(i)</sup>       | 1.800.000.000         | -        | 1.800.000.000         | -        |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô <sup>(ii)</sup> | 190.000.000           | -        | 190.000.000           | -        |
| Công ty Cổ phần đa Tây Đô                                   | 69.500.000            | -        | 69.500.000            | -        |
| Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco <sup>(iii)</sup>             | 6.799.800.000         | -        | 6.799.800.000         | -        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát                   | 498.000.000           | -        | 498.000.000           | -        |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân <sup>(iv)</sup>       | 3.937.613.000         | -        | 3.937.613.000         | -        |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên <sup>(v)</sup>              | 2.682.621.200         | -        | 2.682.621.200         | -        |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang <sup>(vi)</sup>  | 1.550.893.958         | -        | 1.550.893.958         | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>17.528.428.158</b> | <b>-</b> | <b>17.528.428.158</b> | <b>-</b> |

- (i) Tập đoàn nắm giữ 180.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kho vận Xi măng Tây Đô, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này.
- (ii) Tập đoàn nắm giữ 19.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô, tương đương 19% vốn điều lệ của Công ty này.
- (iii) Tập đoàn đã mua 1.099.980 cổ phiếu, tương đương 18,33% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco với giá mua là 6.799.800.000 VND.
- (iv) Tập đoàn đã mua 615.290 cổ phiếu, tương đương 1,48% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân với giá mua là 3.937.613.000 VND.
- (v) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.638.400.000 VND, tương đương 7,75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 2.638.400.000 VND, tương đương 7,75% vốn điều lệ (Số đầu năm 2.638.400.000 VND, tương đương 7,75% vốn điều lệ).
- (vi) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang 1.400.000.000 VND, tương đương 3,05% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư 1.400.000.000 VND, tương đương 3,05% vốn điều lệ (số đầu năm là 1.400.000.000 VND, tương đương 3,05% vốn điều lệ).

#### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>      | <b>14.636.259.510</b> | <b>26.058.325.488</b> |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô | 7.615.166.970         | 20.801.337.787        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang                             | 2.973.972.540         | 4.453.680.000         |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô   | -                     | 803.307.701           |
| Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên  | 4.047.120.000         | -                     |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                                    | <b>37.763.347.709</b> | <b>34.154.155.347</b> |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức                                    | 5.499.999.920         | 6.123.671.000         |
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang - Nhà máy Xi măng An Giang | 5.369.826.000         | 4.345.833.800         |
| Công ty Cổ phần Xi măng Kiên Giang                                     | 3.942.994.000         | 6.035.435.780         |
| Các khách hàng khác  | 22.950.527.789        | 17.649.214.767        |
| <b>Cộng</b>  | <b>52.399.607.219</b> | <b>60.212.480.835</b> |

Một số khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 11.615.632.880 VND (số đầu năm là 25.920.745.055 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Trả trước cho các bên liên quan</b>                    | <b>4.484.734.600</b>  | -                     |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô                    | 4.484.734.600         | -                     |
| <b>Trả trước cho người bán khác</b>                       | <b>15.468.853.201</b> | <b>26.358.215.528</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thiên Phúc   | 8.957.066.571         | 22.380.000.000        |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận chuyển Vạn Thịnh Phát | 5.200.000.000         | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Hoàng Bách   | -                     | 2.700.000.000         |
| Các nhà cung cấp khác                                     | 1.311.786.630         | 1.278.215.528         |
| <b>Cộng</b>   | <b>19.953.587.801</b> | <b>26.358.215.528</b> |

Một số khoản trả trước cho người bán ngắn hạn cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 19.356.460.647 VND (số đầu năm là 25.110.250.000 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>    |                      | <u>Số đầu năm</u>    |                      |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|   | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u>      | <u>Giá trị</u>       | <u>Dự phòng</u>      |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b> |                      |                      |                      |                      |
| Các khoản ký cược, ký quỹ                   | 94.500.538           | -                    | 140.017.415          | -                    |
| Tạm ứng                                     | 1.132.131.159        | -                    | 1.198.109.807        | -                    |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác            | 1.298.687.848        | (159.900.000)        | 1.319.728.327        | (159.900.000)        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>2.525.319.545</b> | <b>(159.900.000)</b> | <b>2.657.855.549</b> | <b>(159.900.000)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****5b. Phải thu dài hạn khác**

|   | Số cuối kỳ         |          | Số đầu năm         |          |
|---|--------------------|----------|--------------------|----------|
|   | Giá trị            | Dự phòng | Giá trị            | Dự phòng |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b> |                    |          |                    |          |
| Các khoản ký cược, ký quỹ                   | 217.800.000        | -        | 217.800.000        | -        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>217.800.000</b> | <b>-</b> | <b>217.800.000</b> | <b>-</b> |

**6. Nợ xấu**

|  | Thời gian quá hạn           | Số cuối kỳ            |                        | Số đầu năm                  |                                     |
|--|-----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------|-------------------------------------|
|  |                             | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc                     | Giá trị có thể thu hồi              |
| <b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>   |                             |                       |                        |                             |                                     |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long - Phải thu tiền bán hàng        | Từ 1 năm đến dưới 2 năm     | 903.200.000           | 451.600.000            | Từ 1 năm đến dưới 2 năm     | 2.503.200.000 1.251.600.000         |
| Công ty TNHH MTV Hoàng Minh - Phải thu tiền bán hàng                         | Trên 3 năm                  | 2.998.670.798         | -                      | Từ 2 năm đến dưới 3 năm     | 2.998.670.798 -                     |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Vận tải Phan Thành - Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm                  | 176.000.000           | -                      | Trên 3 năm                  | 176.000.000 -                       |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Tân Đức - Phải thu tiền bán hàng                 |                             | 5.499.999.920         | 3.015.449.760          |                             | 4.796.422.000 3.229.811.000         |
|  | Trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 1.327.249.000         | 929.074.300            | Trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 4.158.000.000 2.910.600.000         |
|  | Từ 1 năm đến dưới 2 năm     | 4.172.750.920         | 2.086.375.460          | Từ 1 năm đến dưới 2 năm     | 638.422.000 319.211.000             |
| Bà Nguyễn Hoàng Yến - Phải thu khác  | Trên 3 năm                  | 159.900.000           | -                      | Trên 3 năm                  | 159.900.000 -                       |
| Các tổ chức và cá nhân khác  | Trên 3 năm                  | 970.344.767           | -                      | Trên 3 năm                  | 980.344.767 -                       |
| <b>Cộng</b>  |                             | <b>10.708.115.485</b> | <b>3.467.049.760</b>   |                             | <b>11.614.537.565 4.481.411.000</b> |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                             | Kỳ này               | Kỳ trước             |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                  | 7.133.126.565        | 1.583.300.000        |
| Trích lập dự phòng bổ sung  | 107.939.160          | 1.226.786.600        |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | -                    | 3.989.015.565        |
| <b>Số cuối kỳ</b>           | <b>7.241.065.725</b> | <b>6.799.102.165</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối kỳ            |          | Số đầu năm             |          |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|------------------------|----------|
|                                      | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc                | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường          | -                     | -        | 234.389.508            | -        |
| Nguyên liệu, vật liệu                | 60.033.496.468        | -        | 66.626.788.181         | -        |
| Công cụ, dụng cụ                     | 10.797.704.378        | -        | 10.473.238.824         | -        |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 2.138.016.115         | -        | 4.795.485.129          | -        |
| Thành phẩm                           | 24.495.492.660        | -        | 40.592.680.474         | -        |
| <b>Cộng</b>                          | <b>97.464.709.621</b> | <b>-</b> | <b>122.722.582.116</b> | <b>-</b> |

Một số hàng tồn kho có giá trị sổ sách tại ngày 30/6/2019 là 84.528.989.128 VND (số đầu năm là 107.219.468.655 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                 | Số cuối kỳ           | Số đầu năm         |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí thuê nhà                | 26.400.000           | 79.200.000         |
| Chi phí thuê đất                | 798.833.639          | -                  |
| Chi phí bảo hiểm                | 335.763.720          | 339.620.909        |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 259.636.300          | -                  |
| <b>Cộng</b>                     | <b>1.420.633.659</b> | <b>418.820.909</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|   | Số cuối kỳ           | Số đầu năm         |
|---|----------------------|--------------------|
| Chi phí phụ tùng thay thế và sửa chữa TSCĐ có giá trị lớn | 1.683.107.752        | -                  |
| Chi phí nâng cấp phần mềm kế toán                         | 214.977.780          | 418.820.909        |
| <b>Cộng</b>   | <b>1.898.085.532</b> | <b>418.820.909</b> |

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem ở phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 101.215.116.991 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                            | Chi phí phát sinh |                      |                      |
|----------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
|                            | Số đầu năm        | trong kỳ             | Số cuối kỳ           |
| Xây dựng cơ bản dở dang    | -                 | 1.657.033.332        | 1.657.033.332        |
| - Công trình si lô tro bay | -                 | 1.657.033.332        | 1.657.033.332        |
| <b>Cộng</b>                | <b>-</b>          | <b>1.657.033.332</b> | <b>1.657.033.332</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

|                                 | <u>Kỳ này</u>            | <u>Kỳ trước</u>          |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm                      | 41.425.963               | -                        |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 24.645.653               | 55.156.789               |
| <b>Số cuối kỳ</b>               | <b><u>66.071.616</u></b> | <b><u>55.156.789</u></b> |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất 20%).

**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế | 620.509.011               | 639.358.043               |
| Trừ dự phòng                                | -                         | -                         |
| <b>Giá trị thuần</b>                        | <b><u>620.509.011</u></b> | <b><u>639.358.043</u></b> |

**14. Lợi thế thương mại**

|                   | <u>Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô</u> |
|-------------------|---------------------------------------|
| Nguyên giá        |                                       |
| Số đầu năm        | 3.817.226.683                         |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b><u>3.817.226.683</u></b>           |
| Số đã phân bổ     |                                       |
| Số đầu năm        | 222.671.556                           |
| Phân bổ trong kỳ  | 190.861.334                           |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b><u>413.532.890</u></b>             |
| Giá trị còn lại   |                                       |
| Số đầu năm        | 3.594.555.127                         |
| <b>Số cuối kỳ</b> | <b><u>3.403.693.793</u></b>           |

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>           | <b><u>2.273.261.100</u></b> | <b><u>6.832.793.684</u></b>  |
| Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô | 2.209.574.400               | 2.698.465.000                |
| Công ty Cổ phần Kho vận Xi măng Tây Đô      | -                           | 4.018.597.684                |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô              | 63.686.700                  | 115.731.000                  |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>       | <b><u>6.104.407.629</u></b> | <b><u>19.160.318.659</u></b> |
| Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An       | 1.010.097.000               | 2.043.360.000                |
| Công ty TNHH Thương mại Vận chuyển Vạn Phát | -                           | 2.593.732.000                |
| Công ty Cổ phần Nhựa OPEC                   | 3.694.390.000               | 12.325.125.000               |
| Các nhà cung cấp khác                       | 1.399.920.629               | 2.198.101.659                |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>8.377.668.729</u></b> | <b><u>25.993.112.343</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của các bên liên quan</i>             | <i>265.799.807</i>           | -                            |
| Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô                     | 265.799.807                  | -                            |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i>           | <i>53.146.243.751</i>        | <i>53.544.378.403</i>        |
| Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Phúc Vinh       | 10.392.073.030               | 6.945.828.260                |
| Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Trương Hoàng Phúc | 8.830.119.992                | 7.417.648.420                |
| Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang                   | 5.422.017.571                | 5.826.334.416                |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Phú Quốc   | 4.097.742.383                | 6.493.834.338                |
| Hợp tác xã Xây dựng Vạn Phước                      | 4.174.389.315                | 6.882.636.810                |
| Các khách hàng khác                                | 20.229.901.460               | 19.978.096.159               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>53.412.043.558</u></b> | <b><u>53.544.378.403</u></b> |

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

***Thuế giá trị gia tăng***

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

***Thuế tài nguyên***Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt với mức 2.000 đồng/m<sup>3</sup>.***Tiền thuê đất***

Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| <u>Vị trí đất</u>   | <u>Mức tiền thuê/năm</u>  |
|---|---------------------------|
| - Thửa đất số 17; tờ bản đồ số 25, 37; P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ. | 20.184 VND/m <sup>2</sup> |
| - Thửa đất số 97; tờ bản đồ số 50; P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.     | 96.705 VND/m <sup>2</sup> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|   |                           |
|---|---------------------------|
| - Thửa đất số 19, 51; tờ bản đồ số 36, 37; P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ) | 32.256 VND/m <sup>2</sup> |
| - Thửa đất số 37; tờ bản đồ số 06; P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ)         | 24.244 VND/m <sup>2</sup> |

Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 66.522,5 m<sup>2</sup> đất đang sử dụng tại Công ty với mức bình quân 11.278,12 VND/m<sup>2</sup>/năm theo Quyết định số 516/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Cần thơ ngày 24 tháng 02 năm 2010.

**Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**18. Phải trả người lao động**

|                                 | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền lương, thưởng còn phải trả | 7.095.865.755               | 13.814.197.278               |
| Quỹ dự phòng tiền lương         | -                           | 9.200.000.000                |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>7.095.865.755</u></b> | <b><u>23.014.197.278</u></b> |

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b> |                           |                           |
| Chi phí lãi vay phải trả                    | 209.798.991               | 310.227.224               |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác          | 41.363.636                | 127.272.727               |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>251.162.627</u></b> | <b><u>437.499.951</u></b> |

**20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>        | <u>Số đầu năm</u>        |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b> |                          |                          |
| Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác                          | 15.000.000               | 45.000.000               |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>15.000.000</u></b> | <b><u>45.000.000</u></b> |

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>         | <u>Số đầu năm</u>         |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b> |                           |                           |
| Kinh phí công đoàn                          | 132.399.570               | 92.391.396                |
| Bảo hiểm xã hội                             | 12.707.453                | 16.205.965                |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả                  | 6.890.000                 | 31.200.000                |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác            | 11.174.263                | 30.350.455                |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>163.171.286</u></b> | <b><u>170.147.816</u></b> |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****22. Vay****22a. Vay ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>             | <u>Số đầu năm</u>             |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>                                       | -                             |                               |
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 152.479.536.394               | 191.302.504.328               |
| <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ<sup>(i)</sup></i>        | 122.973.445.874               | 159.065.917.706               |
| <i>Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ<sup>(ii)</sup></i>                   | 19.654.090.520                | 9.276.586.622                 |
| <i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>   | -                             | 12.960.000.000                |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ<sup>(iii)</sup></i> | 9.852.000.000                 | 10.000.000.000                |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)                                  | 17.371.831.139                | 12.336.000.000                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>169.851.367.533</u></b> | <b><u>203.638.504.328</u></b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho hình thành từ vốn vay; các khoản phải thu và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,25%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần, thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay này được miễn thế chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

**22b. Vay dài hạn**

|   | <u>Số cuối kỳ</u>            | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>                                      |                              |                              |
| Vay dài hạn ngân hàng   | 20.521.548.950               | 14.560.380.089               |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ<sup>(i)</sup></i> | 11.060.000.000               | -                            |
| <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ<sup>(ii)</sup></i>     | 4.286.548.950                | 7.135.380.089                |
| <i>Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ<sup>(iii)</sup></i>                | 5.175.000.000                | 7.425.000.000                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>20.521.548.950</u></b> | <b><u>14.560.380.089</u></b> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ để cơ cấu lại tình hình tài chính với lãi suất thả nổi, thời hạn cấp hạn mức 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.2a và V.9).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để:
- Thanh toán các chi phí đầu tư dự án dây chuyền máy đóng bao đáy vuông với lãi suất 7,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng một lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25/10/2016.
  - Thanh toán máy tạo sợi Tiratex nhập khẩu từ Đức với lãi suất 7,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và được điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25/01/2016.
  - Thanh toán các chi phí đầu tư dự án dây chuyền máy dán bao đáy vuông với lãi suất 10%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên và được điều chỉnh 01 tháng một lần, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25/5/2015.

Các khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý (xem thuyết minh số V.9).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ để:
- Tài trợ mua máy in hiệu ServoTex 850/6C và 16 máy dệt tròn RX6.0 sản xuất năm 2016 và 16 máy dệt tròn RX6.0 sản xuất năm 2017 với lãi suất 9,5%/năm và được điều chỉnh mỗi 03 tháng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 4 năm 2017.
  - Mua máy móc, thiết bị (Máy tráng màng) với lãi suất 9,5%/năm và ngân hàng được điều chỉnh đợt xuất, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2015.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

|                      | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 17.371.831.139        | 12.336.000.000        |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 20.521.548.950        | 14.560.380.089        |
| <b>Cộng</b>          | <b>37.893.380.089</b> | <b>26.896.380.089</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

|                              |                       |
|------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm                   | 14.560.380.089        |
| Số tiền vay phát sinh        | 18.981.890.228        |
| Kết chuyển sang vay ngắn hạn | (11.428.831.139)      |
| Số tiền vay đã trả           | (1.591.890.228)       |
| <b>Số cuối kỳ</b>            | <b>20.521.548.950</b> |

#### 22c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                   | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Tăng do trích lập<br/>từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u>    |
|-----------------------------------|----------------------|---|-------------------------|----------------------|
| Quỹ phúc lợi                      | 1.252.929.317        | 2.000.000.000                             | (1.550.000.000)         | 1.702.929.317        |
| Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý | 1.376.552.081        | -   | (1.087.729.281)         | 288.822.800          |
| <b>Cộng</b>                       | <b>2.629.481.398</b> | <b>2.000.000.000</b>                      | <b>(2.637.729.281)</b>  | <b>1.991.752.117</b> |

**25. Vốn chủ sở hữu****25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

**25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                 | <u>Số cuối kỳ</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|
| Cổ đông góp vốn | 67.999.970.000        | 67.999.970.000        |
| <b>Cộng</b>     | <b>67.999.970.000</b> | <b>67.999.970.000</b> |

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

|                 | <u>Theo Giấy chứng nhận<br/>đăng ký doanh nghiệp</u> |                  | <u>Vốn điều lệ đã<br/>góp (VND)</u> | <u>Vốn điều lệ<br/>còn phải góp<br/>(VND)</u> |
|-----------------|--|------------------|-------------------------------------|---|
|                 | <u>VND</u>   | <u>Tỷ lệ (%)</u> |                                     |   |
| Cổ đông góp vốn | 67.999.970.000                                       | 100              | 67.999.970.000                      | -   |
| <b>Cộng</b>     | <b>67.999.970.000</b>                                | <b>100</b>       | <b>67.999.970.000</b>               | <b>-</b>                                      |

**25c. Cổ phiếu**

|                                     | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 6.799.997         | 6.799.997         |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 6.799.997         | 6.799.997         |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>         | 6.799.997         | 6.799.997         |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>            | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -                 | -                 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>         | -                 | -                 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>            | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 6.799.997         | 6.799.997         |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>         | 6.799.997         | 6.799.997         |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>            | -                 | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**25d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2019 như sau:

- VND
- Chia cổ tức cho các cổ đông : 13.599.994.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Xi măng Tây Đô đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 như sau:

|                                   |                  |
|-----------------------------------|------------------|
|                                   | VND              |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông     | : 15.200.000.000 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 2.000.000.000  |

### 26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

#### 26a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                      | <u>Số cuối kỳ</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|----------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống   | 1.597.667.277               | 1.597.667.277                |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 5.640.420.442               | 6.390.669.108                |
| Trên 5 năm           | 1.938.388.771               | 2.362.098.076                |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>9.176.476.490</u></b> | <b><u>10.350.434.461</u></b> |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 19.700,0 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 06; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 24.244,0 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê số 23/HĐTĐ-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 18 năm tính từ ngày 31 tháng 07 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 1.222,8 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 96.705,0 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê số 23/HĐTĐ-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 18 năm tính từ ngày 31 tháng 07 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 7.752,1 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 25, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 20.184,0 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê số 27/HĐTĐ-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 16 tháng 08 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 2.948,0 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 19, 51, tờ bản đồ số 36, 37; phường Bùi Hữu Nghĩa; quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 32.256,0 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê số 24/HĐTĐ-2013 ngày 28 tháng 01 năm 2013 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 26 tháng 11 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 66.522,5 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 38A, tờ bản đồ số 6; phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ với giá thuê đất là 11.278,12 VND/m<sup>2</sup>/năm. Hợp đồng thuê số 98/HĐTĐ - 2012 ngày 04 tháng 12 năm 2012 được ký với thời hạn 25 năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.

#### 26b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 1.879,20 USD (số đầu năm là 1.879,20 USD).

#### 26c. Nợ khó đòi đã xử lý

|   | <u>Số cuối kỳ</u> |            | <u>Số đầu năm</u> |            | <u>Nguyên nhân xóa sổ</u>                                |
|---|-------------------|------------|-------------------|------------|--|
|   | <u>Nguyên tệ</u>  | <u>VND</u> | <u>Nguyên tệ</u>  | <u>VND</u> |  |
| Cty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Trần Quang Thái | -                 | 80.640.710 | -                 | 80.640.710 | Không còn cơ nợ tại địa chỉ đăng ký, không liên lạc được |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|                    | Số cuối kỳ |                        | Số đầu năm |                        | Nguyên nhân xóa số        |
|--------------------|------------|------------------------|------------|------------------------|---------------------------|
|                    | Nguyên tệ  | VND                    | Nguyên tệ  | VND                    |                           |
| Các đối tượng khác |            | - 1.997.944.991        |            | - 1.997.944.991        | Không có khả năng thu hồi |
| <b>Cộng</b>        |            | <b>- 2.078.585.701</b> |            | <b>- 2.078.585.701</b> |                           |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                          | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                          | Năm nay                           | Năm trước              |
| Doanh thu bán hàng hóa   | 1.322.000.000                     | 110.101.650            |
| Doanh thu bán thành phẩm | 639.688.081.807                   | 225.803.849.493        |
| Doanh thu khác           | 1.513.578.249                     | 1.142.956.886          |
| <b>Cộng</b>              | <b>642.523.660.056</b>            | <b>227.056.908.029</b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                |
|---|-----------------------------------|----------------|
|   | Năm nay                           | Năm trước      |
| <b>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên</b>            |                                   |                |
| Bán hàng hóa, thành phẩm                          | 19.159.560.000                    | 17.942.400.000 |
| <b>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang</b> |                                   |                |
| Bán hàng hóa, thành phẩm                          | 14.841.611.400                    | 16.334.919.300 |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                               | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|-------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                               | Năm nay                           | Năm trước              |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán   | 1.016.215.416                     | 134.434.324            |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 583.253.750.895                   | 201.093.921.498        |
| Giá vốn khác                  | 452.943.906                       | 728.961.361            |
| <b>Cộng</b>                   | <b>584.722.910.217</b>            | <b>201.957.317.183</b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                 | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|---------------------------------|-----------------------------------|---------------|
|                                 | Năm nay                           | Năm trước     |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn          | 964.372.097                       | 1.027.688.945 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn       | 11.050.956                        | 4.898.250     |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia     | 2.820.250.000                     | 9.271.500.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 3.123                             | -             |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh     | -                                 | 6.978.470     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|   | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này        |                       |
|---|--|-----------------------|
|   | Năm nay                                  | Năm trước             |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 217.456                                  | 327.778               |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.795.893.632</b>                     | <b>10.311.393.443</b> |
| <b>4. Chi phí tài chính</b>   | <b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|   | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Chi phí lãi vay   | 8.295.200.669                            | 3.935.767.409         |
| Chiết khấu thanh toán   | 3.985.994.000                            | 1.900.715.000         |
| Chi phí tài chính khác  | 487.767                                  | 39.198.224            |
| <b>Cộng</b>   | <b>12.281.682.436</b>                    | <b>5.875.680.633</b>  |
| <b>5. Chi phí bán hàng</b>  | <b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|   | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Chi phí cho nhân viên   | 999.714.626                              | 304.976.007           |
| Chi phí vật liệu, bao bì  | 519.853.642                              | 1.100.000             |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng  | 5.081.818                                | 2.454.545             |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định  | 132.456.653                              | 18.357.452            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 2.319.403.489                            | 1.366.902.760         |
| <i>Trong đó: Chi phí vận chuyển vỏ bao</i>                                  | <i>1.675.853.247</i>                     | <i>1.331.441.260</i>  |
| Các chi phí khác  | 6.464.728.452                            | 2.088.867.420         |
| <b>Cộng</b>   | <b>10.441.238.680</b>                    | <b>3.782.658.184</b>  |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                                      | <b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|   | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Chi phí cho nhân viên   | 7.316.730.628                            | 6.741.735.777         |
| Chi phí vật liệu quản lý  | 450.984.290                              | 290.641.159           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng   | 264.510.479                              | 136.653.382           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định  | 317.019.679                              | 119.555.919           |
| Thuế, phí và lệ phí   | 869.110.511                              | 946.408.365           |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương   | (4.200.000.000)                          | (4.200.000.000)       |
| Phân bổ lợi thế thương mại  | 190.861.334                              | 31.810.222            |
| Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi  | 107.939.160                              | 1.226.786.600         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài   | 1.997.192.083                            | 513.534.679           |
| Các chi phí khác  | 6.006.808.454                            | 1.675.320.423         |
| <b>Cộng</b>   | <b>13.321.156.618</b>                    | <b>7.482.446.526</b>  |
| <b>7. Thu nhập khác</b>   | <b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b> |                       |
|   | <b>Năm nay</b>                           | <b>Năm trước</b>      |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư               | 900.000.000                              | 981.843.933           |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|--|-----------------------------------|------------------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước              |
| Xử lý hàng thừa kiểm kê  | 1.530.095.361                     | -                      |
| Thu nhập khác  | 20.454.545                        | 21.666.760             |
| <b>Cộng</b>  | <b>2.450.549.906</b>              | <b>1.003.510.693</b>   |
| <b>8. Chi phí khác</b>   |                                   |                        |
|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|  | Năm nay                           | Năm trước              |
| Tiền phạt chậm nộp thuế  | -                                 | 954.294                |
| <b>Cộng</b>  | <b>-</b>                          | <b>954.294</b>         |
| <b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>  |                                   |                        |
|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|  | Năm nay                           | Năm trước              |
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ  | (24.645.653)                      | (55.156.789)           |
| <b>Cộng</b>  | <b>(24.645.653)</b>               | <b>(55.156.789)</b>    |
| <b>10. Lãi trên cổ phiếu</b>   |                                   |                        |
| <b>11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>  |                                   |                        |
|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|  | Năm nay                           | Năm trước              |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 15.812.295.426                    | 27.421.119.832         |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:   | -                                 | -                      |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu   | 15.812.295.426                    | 27.421.119.832         |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ   | 6.799.997                         | 6.799.997              |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>   | <b>2.325</b>                      | <b>4.033</b>           |
| <b>11b. Thông tin khác</b>   |                                   |                        |
| Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. |                                   |                        |
| <b>12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>   |                                   |                        |
|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|  | Năm nay                           | Năm trước              |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu  | 498.829.986.053                   | 168.203.248.249        |
| Chi phí nhân công  | 33.474.965.766                    | 25.195.958.192         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 14.616.956.222                    | 7.165.449.417          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 62.661.519.700                    | 15.108.443.903         |
| Chi phí khác   | 12.948.288.021                    | 4.775.791.986          |
| <b>Cộng</b>  | <b>622.531.715.762</b>            | <b>220.448.891.747</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ*

**Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

|                 | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|-----------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương      | 1.065.838.908        | 887.409.710          |
| Thù lao, thưởng | 792.461.271          | 794.913.011          |
| <b>Cộng</b>     | <b>1.858.300.179</b> | <b>1.682.322.721</b> |

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

##### Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Công ty Cổ phần Bê tông Tây Đô

Công ty Cổ phần Vận tải Xi măng Tây Đô

Công ty Cổ phần Kho vận Xi măng Tây Đô

Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô

Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco

##### Mối quan hệ

Công ty nhận góp vốn đầu tư của Công ty mẹ

Công ty nhận góp vốn đầu tư của Công ty mẹ

Cổ đông góp vốn vào công ty con

Công ty liên kết của công ty con

Công ty liên kết của công ty con

Công ty nhận góp vốn đầu tư của công ty con

Công ty nhận góp vốn đầu tư của công ty con

Công ty nhận góp vốn đầu tư của công ty con

## CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|  | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|--|-----------------------------------|---------------|
|  | Năm nay                           | Năm trước     |
| <b>Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam</b>   |                                   |               |
| Cổ tức đã trả                                      | 7.322.300.000                     | -             |
| <b>Công ty Cổ phần Kho vận Xi măng Tây Đô</b>      |                                   |               |
| Chi phí vận chuyển Clinker                         | 2.924.989.457                     | 3.186.880.484 |
| Cổ tức đã nhận                                     | 270.000.000                       | -             |
| <b>Công ty Cổ phần Truyền thông Xi măng Tây Đô</b> |                                   |               |
| Chi phí bốc xếp và đóng bao xi măng                | 12.241.701.000                    | 2.187.242.000 |
| Cổ tức đã nhận                                     | 190.000.000                       | -             |
| <b>Công ty Cổ phần Bê tông Hamaco</b>              |                                   |               |
| Cổ tức đã nhận                                     | 549.990.000                       | -             |

### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

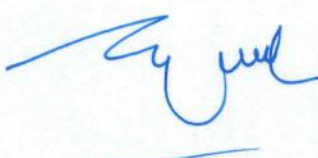
Tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là sản xuất bao bì và sản xuất xi măng. Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

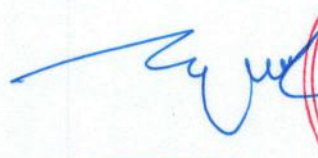
### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Cần Thơ, ngày 01 tháng 8 năm 2019



  
Dương Thị Quỳnh Giao  
Người lập

  
Dương Thị Quỳnh Giao  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Phú Thọ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|                                       | Đơn vị tính: VND       |                                    |                                 |                           |                      |                                    |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------|
|                                       | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị                | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng                               |
| Nguyên giá                            |                        |                                    |                                 |                           |                      |                                    |
| Số đầu năm                            | 318.428.491.779        | 265.746.578.248<br>(3.993.811.779) | 13.619.405.011                  | 2.990.533.299             | 823.903.819          | 601.608.912.156<br>(3.993.811.779) |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | 261.752.766.469                    | -                               | -                         | -                    | 597.615.100.377                    |
| Số cuối kỳ                            | 318.428.491.779        | 261.752.766.469                    | 13.619.405.011                  | 2.990.533.299             | 823.903.819          |                                    |
| Trong đó:                             |                        |                                    |                                 |                           |                      |                                    |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 10.362.130.202         | 33.103.518.997                     | 1.312.431.521                   | 109.890.000               | -                    | 44.887.970.720                     |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                                  | -                               | -                         | -                    | -                                  |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                        |                                    |                                 |                           |                      |                                    |
| Số đầu năm                            | 109.470.933.567        | 140.477.640.744                    | 10.326.951.942                  | 2.352.260.327             | 823.903.819          | 263.451.690.399                    |
| Khấu hao trong kỳ                     | 6.125.691.984          | 7.676.680.484<br>(3.993.811.779)   | 641.973.399                     | 172.610.355               | -                    | 14.616.956.222<br>(3.993.811.779)  |
| Thanh lý, nhượng bán                  | -                      | -                                  | -                               | -                         | -                    | 274.074.834.842                    |
| Số cuối kỳ                            | 115.596.625.551        | 144.160.509.449                    | 10.968.925.341                  | 2.524.870.682             | 823.903.819          |                                    |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                        |                                    |                                 |                           |                      |                                    |
| Số đầu năm                            | 208.957.558.212        | 125.268.937.504                    | 3.292.453.069                   | 638.272.972               | -                    | 338.157.221.757                    |
| Số cuối kỳ                            | 202.831.866.228        | 117.592.257.020                    | 2.650.479.670                   | 465.662.617               | -                    | 323.540.265.535                    |

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng  
 Đang chờ thanh lý



*Handwritten signature in blue ink.*

Dương Thị Quỳnh Giao  
 Người lập

Dương Thị Quỳnh Giao  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục 02: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | Số đầu năm           |                    | Số phát sinh trong kỳ |                         | Số cuối kỳ           |          |
|----------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|----------|
|                            | Phải nộp             | Phải thu           | Số phải nộp           | Số đã thực nộp          | Phải nộp             | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 848.813.917          | -                  | 12.632.955.565        | (11.937.781.386)        | 1.543.988.096        | -        |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu   | -                    | -                  | 157.872.485           | (157.872.485)           | -                    | -        |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                    | -                  | 85.532.865            | (85.532.865)            | -                    | -        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.357.431.512        | 372.780.913        | 5.355.369.284         | (1.395.410.712)         | 4.944.609.171        | -        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 248.809.907          | -                  | 2.856.784.536         | (2.706.685.049)         | 398.909.394          | -        |
| Tiền thuế đất              | -                    | -                  | 1.597.667.277         | (1.173.957.972)         | 423.709.305          | -        |
| Thuế tài nguyên            | 732.060              | -                  | 5.203.080             | (4.994.640)             | 940.500              | -        |
| Các loại thuế khác         | -                    | -                  | 59.777.600            | (59.777.600)            | -                    | -        |
| <b>Cộng</b>                | <b>2.455.787.396</b> | <b>372.780.913</b> | <b>22.751.162.692</b> | <b>(17.522.012.709)</b> | <b>7.312.156.466</b> | <b>-</b> |

Đơn vị tính: VND



Dương Thị Quỳnh Giao  
Người lập



Dương Thị Quỳnh Giao  
Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Thọ  
Tổng Giám đốc

### CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Phụ lục 03: Bảng chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|                         | Số đầu năm             | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số cuối kỳ             |
|-------------------------|------------------------|--------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng  | 191.302.504.328        | 581.748.198.156                | (620.571.166.090)           | -                               | 152.479.536.394        |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 12.336.000.000         | -                              | (6.393.000.000)             | 11.428.831.139                  | 17.371.831.139         |
| <b>Cộng</b>             | <b>203.638.504.328</b> | <b>581.748.198.156</b>         | <b>(626.964.166.090)</b>    | <b>11.428.831.139</b>           | <b>169.851.367.533</b> |

Đơn vị tính: VND



*(Handwritten signature)*

*(Handwritten signature)*

Dương Thị Quỳnh Giao  
Kế toán trưởng

Nguyễn Phú Thọ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ**

Địa chỉ: 366E Cách mạng tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ  
 BAO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

|  | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|--|---------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước  | 64.999.970.000            | (50.000.000)         | 25.835.920.722        | -                               | 17.569.783.165                    | 108.355.673.887        |
| Lợi nhuận trong kỳ trước   | -                         | -                    | -                     | 991.289.330                     | 27.421.119.832                    | 28.412.409.162         |
| Tăng vốn trong kỳ trước  | 3.000.000.000             | -                    | -                     | -                               | (3.000.000.000)                   | -                      |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh  | -                         | -                    | -                     | 121.075.727.498                 | -                                 | 121.075.727.498        |
| Chia cổ tức, lợi nhuận   | -                         | -                    | -                     | -                               | (12.999.994.000)                  | (12.999.994.000)       |
| Điều chỉnh lãi trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu lũy kế đến 31/5/2018 | -                         | -                    | -                     | -                               | 65.640.989.517                    | 65.640.989.517         |
| <b>Số dư cuối kỳ trước</b>   | <b>67.999.970.000</b>     | <b>(50.000.000)</b>  | <b>25.835.920.722</b> | <b>122.067.016.828</b>          | <b>94.631.898.514</b>             | <b>310.484.806.064</b> |
| Số dư đầu năm nay  | 67.999.970.000            | (50.000.000)         | 25.835.920.722        | 136.550.650.343                 | 109.954.444.964                   | 340.290.986.029        |
| Lợi nhuận trong kỳ này   | -                         | -                    | -                     | 10.833.070.705                  | 15.812.295.426                    | 26.645.366.131         |
| Trích lập các quỹ từ lợi nhuận kỳ này  | -                         | -                    | -                     | (978.800.000)                   | -                                 | (978.800.000)          |
| Chia cổ tức, lợi nhuận   | -                         | -                    | -                     | (7.438.880.000)                 | (13.599.994.000)                  | (21.038.874.000)       |
| Điều chỉnh lãi/lỗ trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu                   | -                         | -                    | -                     | (1.643.499.588)                 | 989.243.996                       | (654.255.592)          |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>   | <b>67.999.970.000</b>     | <b>(50.000.000)</b>  | <b>25.835.920.722</b> | <b>137.322.541.460</b>          | <b>113.155.990.386</b>            | <b>344.264.422.568</b> |

Đơn vị tính: VND

*(Signature)*

Dương Thị Quỳnh Giao  
 Người lập

*(Signature)*

Dương Thị Quỳnh Giao  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Phú Thọ  
 Tổng Giám đốc

